

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN SƠN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 137/2024/HNGĐ-ST

Ngày 03/6/2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quan Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Hào, ông Trần Duy Viễn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Chung Duy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lò A Đ, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Giàng Thị Đ1, sinh năm 2000. Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Lò A Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Giàng Thị Đ1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ngày 06/9/2019. Sau khi kết hôn cả hai cùng chung sống tại địa chỉ thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, cả hai không quan tâm đến nhau, việc của ai thì người đó làm. Việc xảy ra mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chưa nhờ gia đình, tổ hòa giải tại địa phương hòa giải. Anh

xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị Đ1 có 01 con chung tên Lò Thị Quỳnh N, sinh ngày 30/4/2017. Nay ly hôn anh đề nghị được nuôi con, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ, cho vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Giàng Thị Đ1. Tuy nhiên chị Đ1 không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được. Anh Đ có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lò A Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò A Đ được ly hôn chị Giàng Thị Đ1;

Về con chung: Giao cháu Lò Thị Quỳnh N, sinh ngày 30/4/2017 cho anh L A Đại trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Giàng Thị Đ1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ, chị Đ1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;

Về tài sản chung, vay nợ, cho vay nợ chung: Anh Lò A Đ xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét;

Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Lò A Đ phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lò A Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn giải quyết việc ly hôn đối với chị Giàng Thị Đ1, nơi cư trú tại thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn.

Nguyên đơn anh Lò A Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn chị Giàng Thị Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không có văn bản nêu ý kiến. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xác định:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò A Đ và chị Giàng Thị Đ1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ngày 06/9/2019, do vậy quan hệ hôn nhân của anh Đ và chị Đ1 là hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh Lò A Đ và chị Giàng Thị Đ1 chung sống tại thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, cả hai không quan tâm đến nhau, thường xuyên cãi chửi, việc của ai thì người đó làm. Cả hai bắt đầu sống ly thân từ năm 2022. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo phiên hòa giải nhưng chị Đ1 không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy chị Đ1 cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Anh Đ và chị Đ1 đã sống ly thân 02 năm nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị Đ1 đã rất trầm trọng, mâu thuẫn đã diễn ra trong thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ, xử cho anh Đ được ly hôn với chị Đ1.

- Về con chung: Anh Đ và chị Đ1 có 01 con chung là Lò Thị Quỳnh N, sinh ngày 30/4/2017, hiện cháu N đang sống cùng anh Đ. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt và quá trình giải quyết vụ án, anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu chị Đ1 cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét thấy chị Đ1 hiện đang đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình và địa phương, đồng thời không có văn bản gửi đến Tòa án thể hiện quan điểm ý kiến về quyền nuôi dưỡng con. Cháu N có nguyện vọng được sống cùng anh Đ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Lò Thị Quỳnh N cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đ1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ, cho vay nợ chung: Anh Lò A Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Lò A Đ phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 264, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lò A Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lò A Đ được ly hôn chị Giàng Thị Đ1 (*Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 06/9/2019 tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao con chung là Lò Thị Quỳnh N, sinh ngày 30/4/2017 cho anh Lò A Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Giàng Thị Đ1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Lò A Đ phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0001096 ngày 25/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Đ đã nộp đủ tiền án phí. Chị Đ1 không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Mỹ Bằng;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ, án văn.

Quan Thị Thu Trang